CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

Tổng công ty IDICO - CTCP

Ngày 31/03/2025	54,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.0%	**-0.5%**	**-2.9%**

DT thuần
Q1/25
1,793
tỷ VNĐ
QoQ: ▼162| -8.3%
YoY: ▼674| -27.3%

LN thuần
Q1/25
476
tỷ VNĐ
QoQ: ▼56.0| -10.6%
YoY: ▼526| -52.5%

LN sau thuế
Q1/25
417
tỷ VNĐ
QoQ: ▼21.0| -4.8%
YoY: ▼380| -47.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
31.0%
YoY: +/-▲ 1.9%

ROE (TTM)
Q1/25
24.1%
YoY: +/-▼ 5.6%

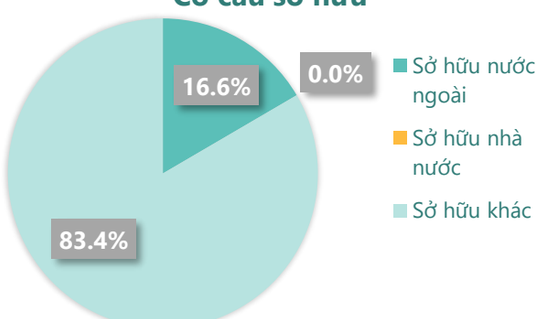
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	48,066 - 61,615
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,820
Số lượng CPLH (CP)	329,999,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,067,930
Sở hữu nước ngoài	16.6%
Beta	1.05
EPS	4,983
P/E	10.8

DT thuần
2024
8,846
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,609| 22.2%

LN thuần
2024
2,973
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 878| 41.9%

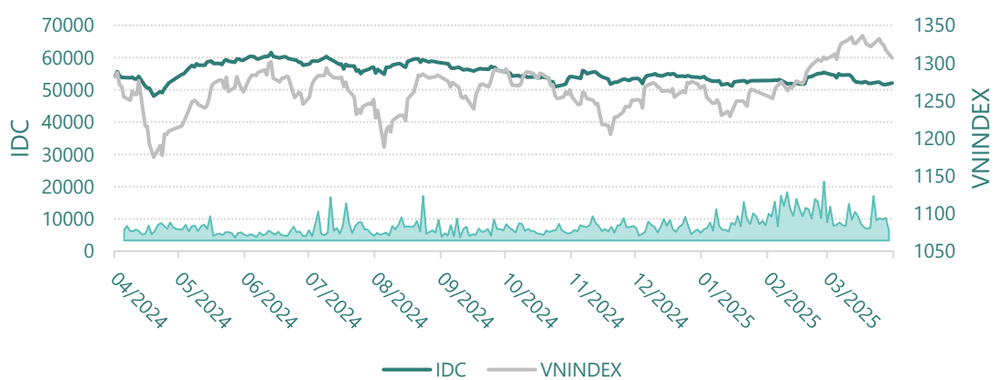
LN sau thuế
2024
2,392
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 736| 44.5%

Cơ cấu sở hữu

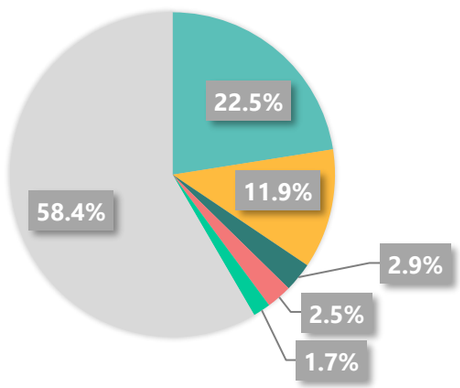


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

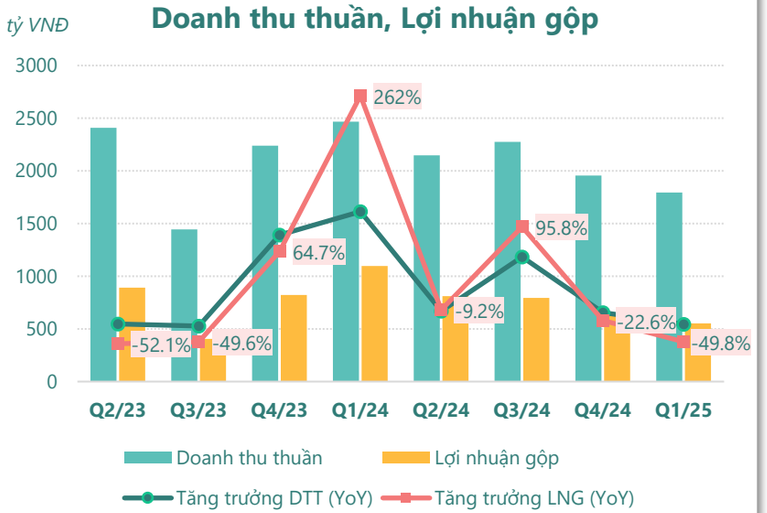


- CTCP Tập đoàn S.S.G
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt
- Công ty TNHH Kinh doanh và cho thuê nhà Tân Bách Việt
- Đặng Việt Dũng
- Hanoi Investments Holdings Ltd
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

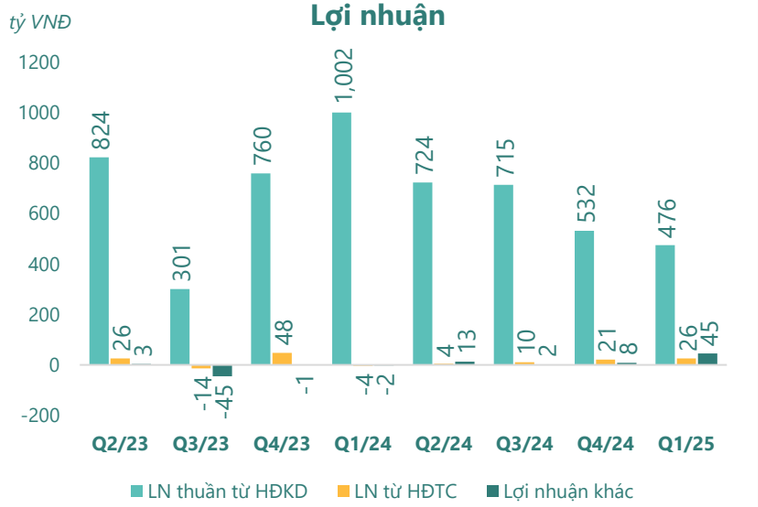
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



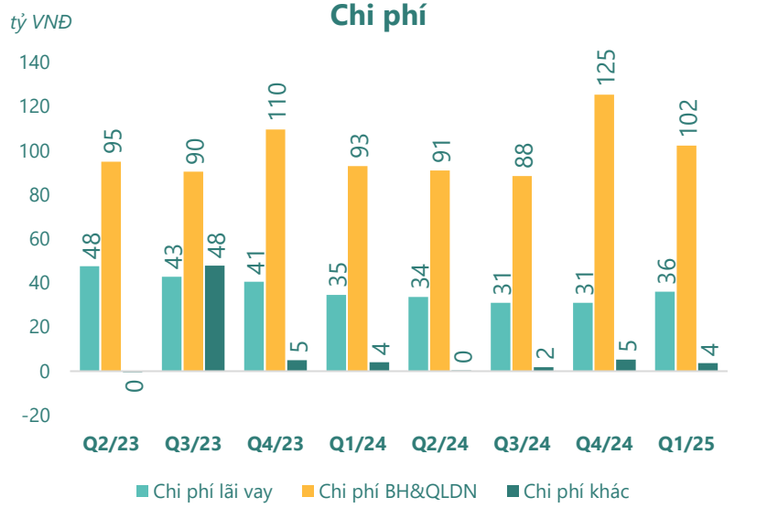
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



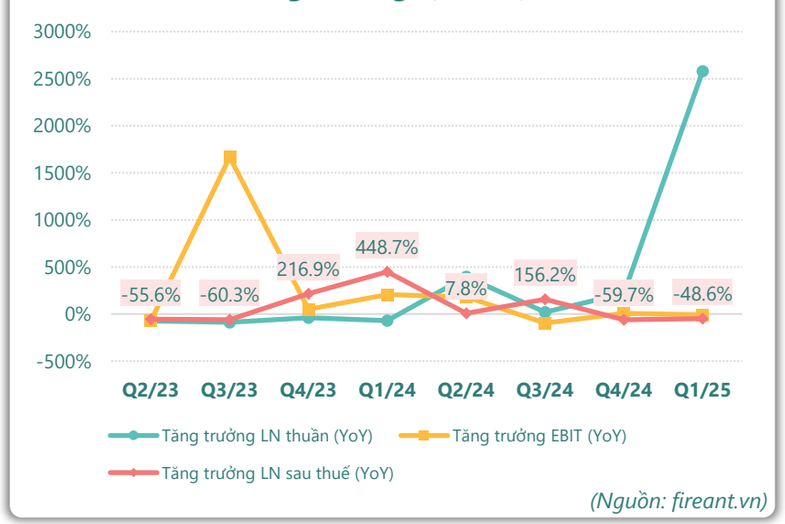
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



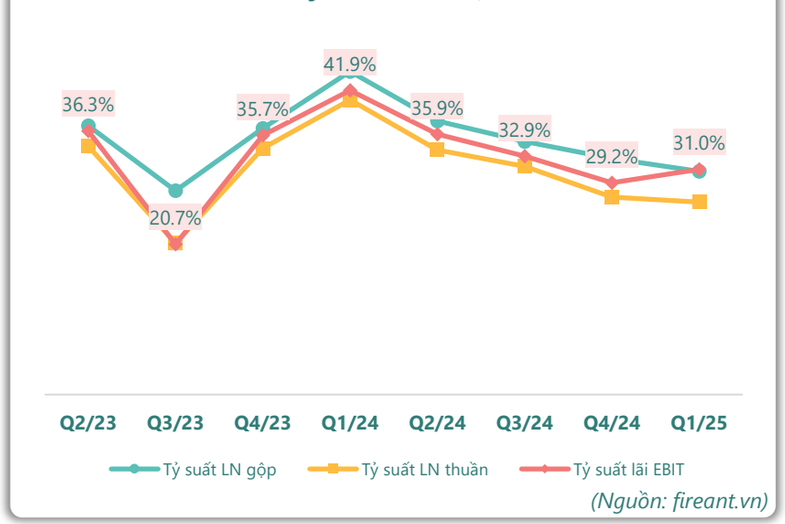
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



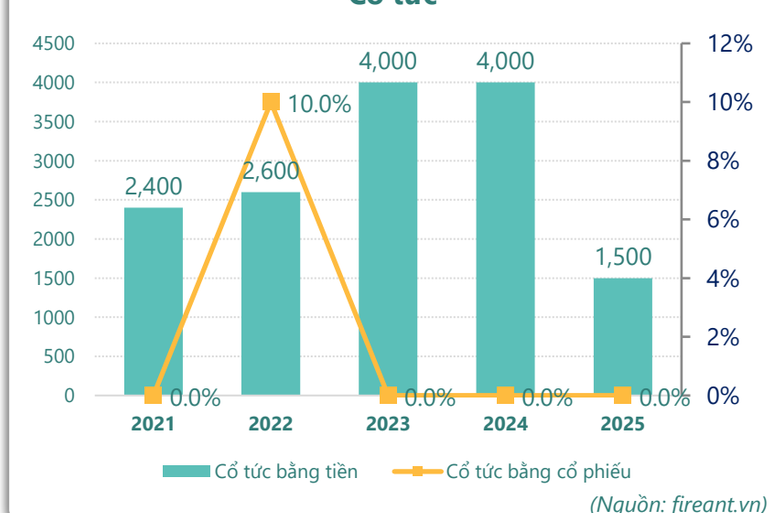
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

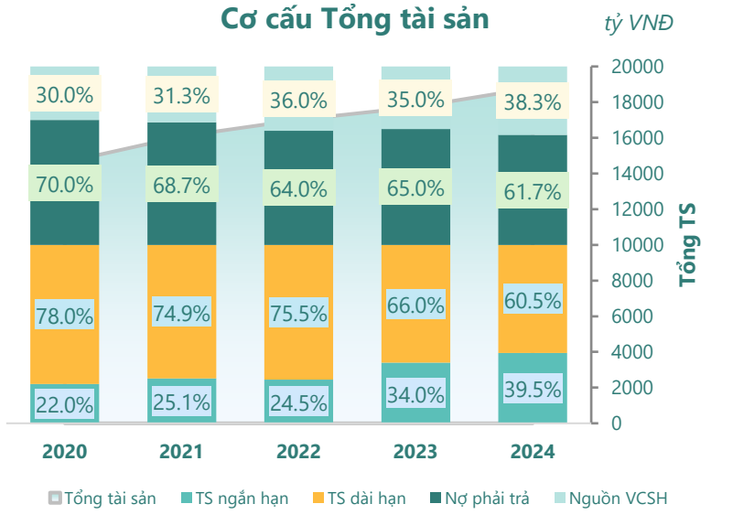
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

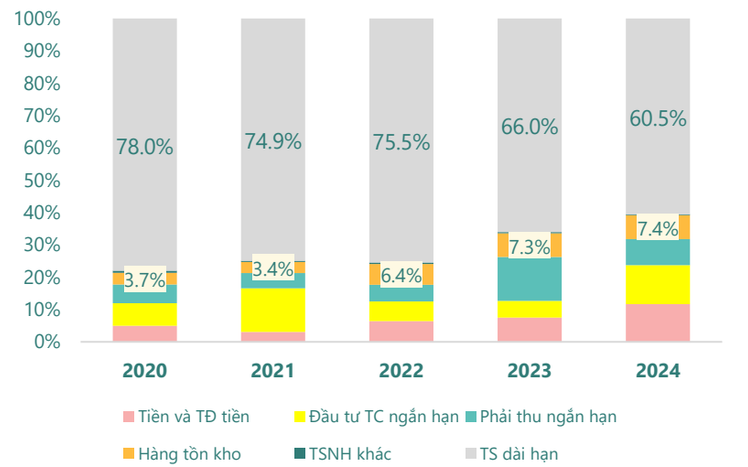
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



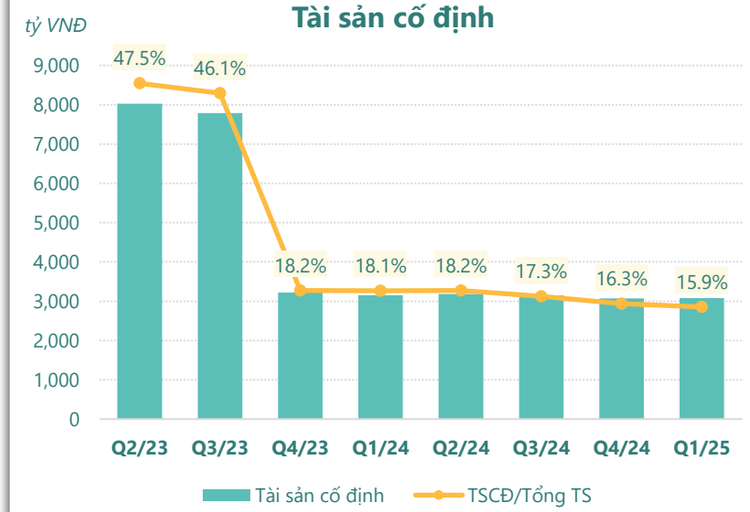
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



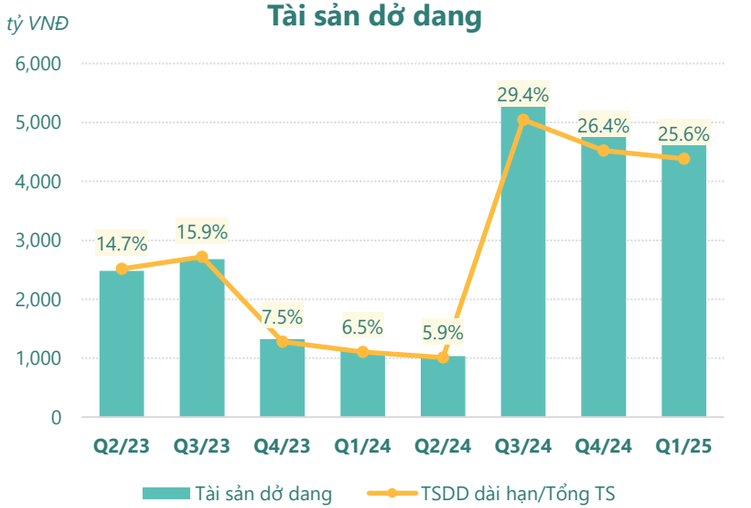
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



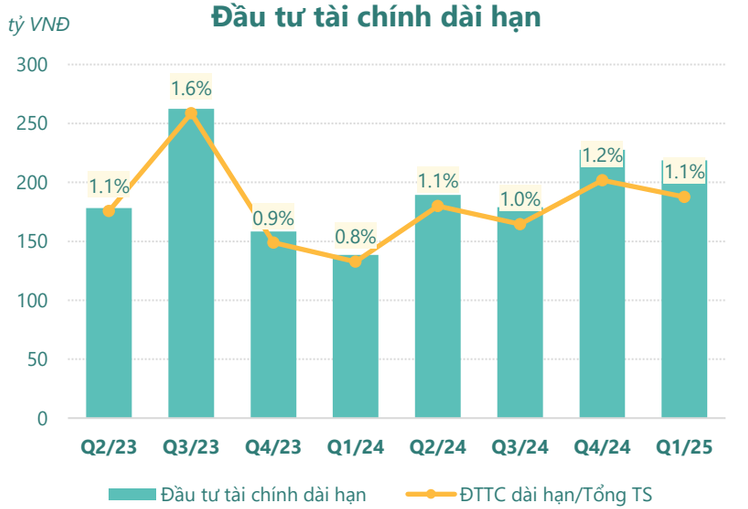
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



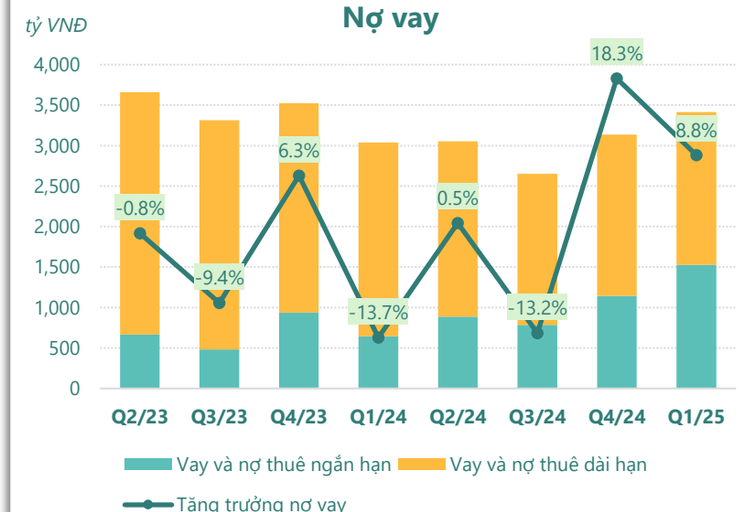
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

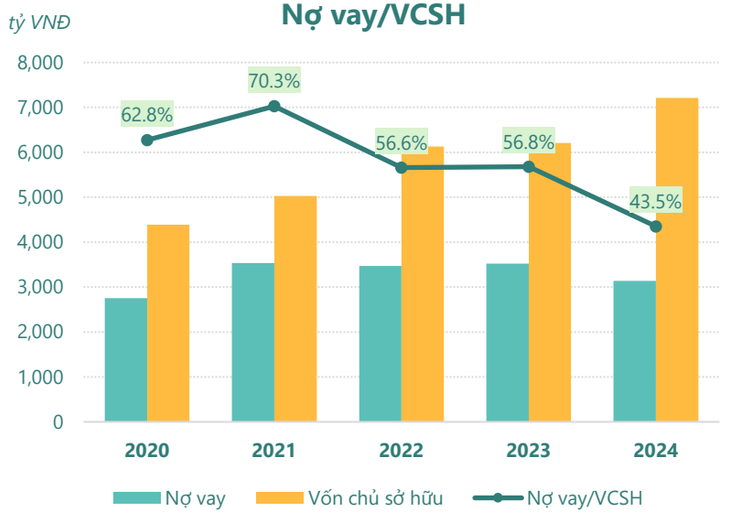
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

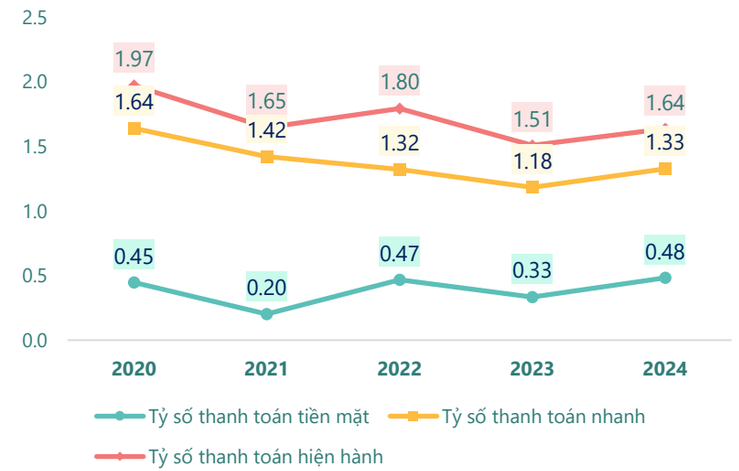
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



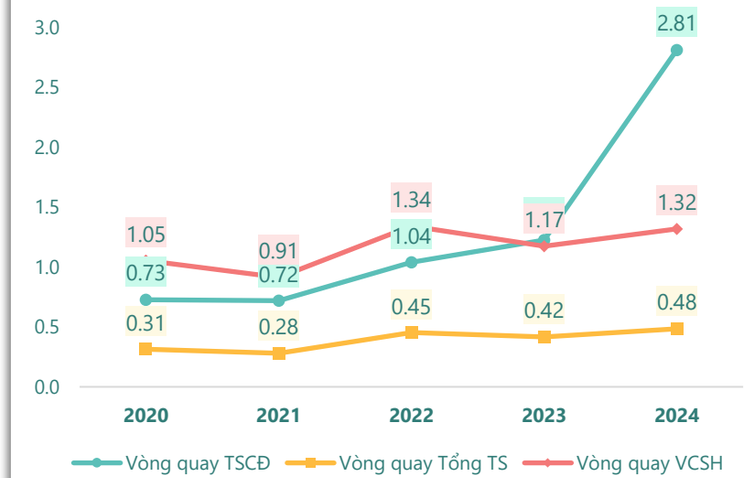
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



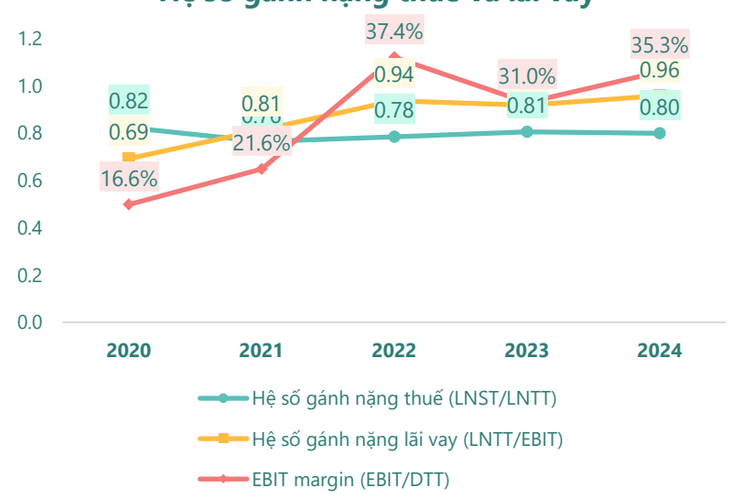
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



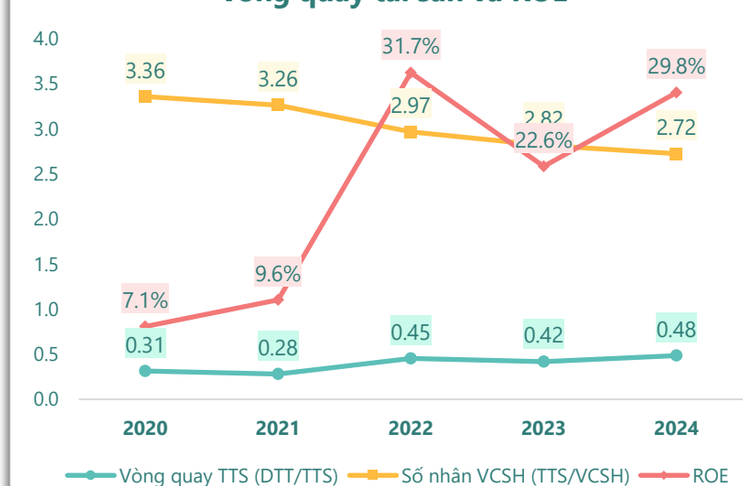
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



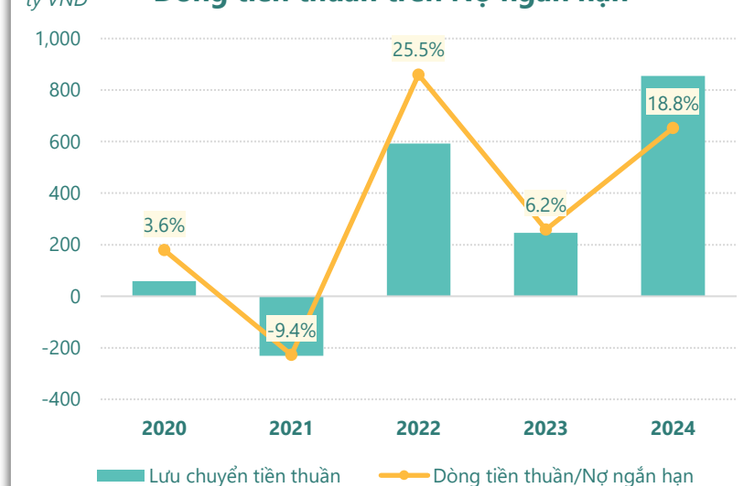
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,793**	**2,467**	**-27.3%**	**8,846**	**7,237**	**22.2%**
Giá vốn hàng bán	1,242	1,369	-9.3%	5,509	4,814	14.4%
Lợi nhuận gộp	551	1,098	-49.8%	3,337	2,423	37.7%
Doanh thu HĐTC	65.1	31.0	110%	168	221	-24.0%
Chi phí TC	39.0	34.7	12.5%	136	189	-27.9%
Chi phí lãi vay	36.1	34.6	4.2%	130	185	-29.5%
LN trong công ty LKLD	**0.36**	**0.08**	**351%**	**1.88**	**1.47**	**27.7%**
Chi phí bán hàng	28.3	41.9	-32.4%	123	115	6.7%
Chi phí QLDN	**73.9**	**51.1**	**44.7%**	**275**	**247**	**11.2%**
LN thuần từ HĐKD	476	1,002	-52.5%	2,973	2,095	41.9%
Lợi nhuận khác	**45.2**	**-2.27**	**2089%**	**20.0**	**-38.0**	**153%**
LN trước thuế	521	999	-47.9%	2,993	2,057	45.5%
Lợi nhuận sau thuế	**417**	**797**	**-47.7%**	**2,392**	**1,656**	**44.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**343**	**695**	**-50.6%**	**1,996**	**1,394**	**43.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,136	951	1,373	1,257	303	593
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-602	-155	-597	-557	34.2	-745
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-451	-1,022	-873	-423	563	257
Tiền đầu kỳ	1,251	1,334	1,108	1,010	1,288	2,188
Lưu chuyển tiền thuần	**83.5**	**-226**	**-97.7**	**277**	**900**	**105**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.47	0.15	0.09	-0.06	0.07	0.00
Tiền cuối kỳ	1,334	1,108	1,010	1,288	2,188	2,293

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**19,410**	**18,800**	**3.2%**
Tài sản ngắn hạn	8,117	7,422	9.4%
Tiền và tương đương tiền	2,293	2,188	4.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,908	2,264	28.4%
Phải thu ngắn hạn	1,531	1,515	1.1%
Hàng tồn kho	1,352	1,401	-3.5%
Tài sản ngắn hạn khác	33.1	54.2	-38.9%
Tài sản dài hạn	**11,293**	**11,378**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	110	103	6.1%
Tài sản cố định	3,077	3,069	0.3%
Bất động sản đầu tư	2,480	2,539	-2.3%
Tài sản dở dang	4,961	4,959	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	219	228	-4.2%
Tài sản dài hạn khác	**417**	**447**	**-6.7%**
Lợi thế thương mại	28.6	32.1	-11.0%
Nợ phải trả	12,281	11,593	5.9%
Nợ ngắn hạn	**5,349**	**4,533**	**18.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,528	1,144	33.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	279	302	-7.4%
Nợ dài hạn	6,932	7,059	-1.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,885	1,992	-5.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**7,130**	**7,208**	**-1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**7,130**	**7,208**	**-1.1%**
Vốn điều lệ	3,300	3,300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)